

## **Trương Định (1/5/1903 - 6/9/1931)**

Trương Định (Canh Thìn 1820-Giáp Tí 1864)

Anh hùng kháng Pháp, tên thường gọi là Trương Công Định. Cha là lãnh binh Trương Cầm làm quan ở Gia Định (chức Hữu thủy vệ úy) dưới thời Thiệu Trị.

Năm 1850, hưởng ứng chính sách khẩn hoang của Nguyễn Tri Phương ông đứng ra chiêu mộ dân nghèo khai hoang lập ấp. Vì có công ấy, ông được triều đình Huế phong chức Quản cơ, hàm lục phẩm. Từ đó người đương thời gọi ông là Quản Định.

Ngày 17.2.1859, Pháp đánh chiếm thành Gia Định, ông chủ động điều dân binh cùng phối hợp với quân triều đình đánh giặc. Ông đem nghĩa binh lên đóng ở Thuận Kiều chặn giặc và thắng trận ở Cây Mai, Thị Nghè.

Năm 1860 ông tham gia giữ đồn Kỳ Hòa dưới quyền Tổng thống quân vụ Nguyễn Tri Phương. Sau khi đồn Kỳ Hòa thất thủ, Nguyễn Tri Phương, Phạm Thế Hiển rút về Biên Hòa, ông vẫn tiếp tục chiến đấu, nên được triều đình Huế thăng chức Phó Lãnh binh. Từ đó, ông cùng các chiến sĩ rút về Tân Hòa, Gò Công xây dựng căn cứ chống Pháp.

Khi triều đình cắt 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ cho Pháp (1862), ông rút về Gò Công lập căn cứ, tiếp tục kháng chiến. Được nhân dân Nam Kỳ suy tôn là Bình Tây đại nguyên soái.

Ngày 26-2-1863, Pháp huy động một lực lượng lớn, mở cuộc tấn công vào căn cứ của nghĩa quân. Cuộc chiến diễn ra ác liệt, một số chiến hữu hi sinh. Trong trận này, ông phải cầm tử chiến đấu với giặc và thoát khỏi vòng vây của địch rút về lập căn cứ ở làng Lý Nhơn (thuộc Biên Hòa). Một bộ phận nghĩa quân tản về phía rừng Thủ Dầu Một, Tây Ninh tiếp tục chiến đấu.

Cuối năm 1864, trong khi ông đang chiến đấu chiếm lại căn cứ Tân Hòa thì trong đêm 18 rạng 19-8-1864 ông rơi vào vòng vây của Đội Tấn (X. Huỳnh Tấn) ở làng Kiểng Phước. Ngày 20.8.1864, tự sát khi bị thương để khỏi rơi vào tay giặc.

Cái chết của ông là mất mát lớn lao cho các lực lượng kháng chiến của nhân dân ta lúc bấy giờ.

### **Trương Hán Siêu (...- Giáp Ngọ 1354)**

Trương Hán Siêu (...- Giáp Ngọ 1354)

Danh sĩ, tác giả đời Trần Anh tông, tự Thăng Phủ, quê làng Phúc Thành, huyện An Khánh (sau đổi là Gia Khánh) tỉnh Ninh Bình.

Ông vốn là môn khách của Hưng Đạo vương, năm 1308 ông được Anh tông bổ làm Hàm lâm học sĩ. Đời Minh tông giữ chức Hành khiển. Sang đời Hiến tông làm Môn hạ hữu ti Lang trung, đến đời Dụ tông đổi sang Tả Tư lang kiêm chức Kinh lược sứ ở Lạng Giang, rồi thăng Giám nghị Đại phu Tham chính sự.

Năm Quý Tị 1353, ông lãnh Thần sách quân trấn nhậm ở Hóa Châu. Không bao lâu ông cáo bệnh xin về nghỉ, nhưng về chưa đến kinh sư thì ông mất năm 1354.

Sau khi mất ông được truy tặng là Thái Bảo.

Ông có bài Bạch Đằng giang phú được truyền tụng và soạn:

Linh Tế tháp kí (bài kí Tháp Linh tế)

Quảng Nghiêm tự bi văn (bài văn bia chùa Quảng Nghiêm).

Ngoài ra ông và Nguyễn Trung Ngạn hợp soạn bộ Hoàng triều đại điển, Hình luật thư (X. Nguyễn Trung Ngạn).

Ông có danh tiếng về văn chương, chính trị. Các vua Trần Hiến tông, Trần Dụ tông đều gọi ông bằng thầy.



## Vua Tự Đức

có tên là Nguyễn Phúc Hồng Nhậm, ngoài ra còn có tên là Thì. Ông là con thứ 2 của vua Thiệu Trị và bà Phạm Thị Hằng (Hoàng hậu Từ Dũ), sinh ngày 25 tháng 8 năm Kỷ

Sửu (22-9-1829).

Vua Tự Đức lên ngôi tháng 10 năm Đinh Mùi (1847), làm vua được 36 năm (1847-1883), mất ngày 16 tháng 6 năm Quý Mùi (19-7-1883), hưởng thọ 55 tuổi. Sau khi mất, bài vị nhà vua được đưa vào thờ trong Thế Miếu và có Miếu hiệu Dục Tông Anh Hoàng đế.

Vua Tự Đức không con, ông nhận 3 người cháu gọi bằng chú làm con nuôi là: Nguyễn Phúc Ưng Chân (sau này là vua Dục Đức); Nguyễn Phúc Ưng Đường (sau này là vua Đồng Khánh); Nguyễn Phúc Ưng Đăng (sau này là vua Kiến Phúc).